

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 153/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 803/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Phương Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố M, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Phương Q trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc V kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa ông và bà V là tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn tới thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay giữa ông và bà V đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, ông Q đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Phương L, sinh ngày 15/8/2014. Sau khi ly hôn, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q và bà V không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc V: Đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng bà V không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông Q

Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn. Tuy nhiên, bà V đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Lê Phương Q có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc V vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:

+ Về tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tổ tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phương Q về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Phương Q có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng bà V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Q và bà V là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Phương Q và bà Nguyễn Thị Ngọc V: Ông Q và bà V chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 24/3/2014 của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo ông Q trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn tới thường xuyên cãi vã. Vì vậy, ông Q có nguyện vọng được ly hôn với bà V để ổn định cuộc sống. Tại Biên bản xác minh ngày 15/11/2018 tại Công an phường N, thành phố T xác định “Bà Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1989 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố M, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương hiện nay bà V còn hộ khẩu tại địa chỉ trên nhưng đã bỏ

địa phương đi khoảng hơn 01 năm và bà V không thông báo nên địa phương không biết hiện nay bà V sinh sống tại đâu: ”.

[4] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay bà V đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông Q là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng ông Q, bà V có 01 con chung là cháu Lê Phương L, sinh ngày 15/8/2014, hiện nay cháu L đang ở cùng với cha là ông Lê Phương Q. Sau khi ly hôn, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án bà V cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu được nuôi con. Vì vậy, yêu cầu của ông Q là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phương Q đối với bà Nguyễn Thị Ngọc V.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm, ông Lê Phương Q phải nộp theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; các Điều 227, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phương Q đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc V về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Phương Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc V.

- Về con chung: Ông Lê Phương Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Phương L, sinh ngày 15/8/2014

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Phương Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0022801 ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Hương